

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG  
Số: 360 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Kiên Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2021

## BÁO CÁO

**Về tình hình thực hiện, giải ngân 8 tháng, dự kiến giải ngân đến ngày 30/9/2021, cả năm 2021 (đến ngày 31/01/2022) và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6198/BKHĐT-TH ngày 15 tháng 9 năm 2021 Công văn số 6403/BKHĐT-TH ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân 8 tháng, dự kiến giải ngân đến ngày 30/9/2021, cả năm 2021 và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo một số nội dung theo yêu cầu như sau:

**1. Tình hình giao phân bổ, giao chi tiết kế hoạch vốn; kết quả thực hiện, giải ngân 8 tháng, dự kiến giải ngân đến ngày 30/9/2021, cả năm 2021**

a) Tình hình phân bổ, giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước đến thời điểm báo cáo:

Tổng vốn kế hoạch năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 và HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 506/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 là 5.198.939 triệu đồng, đến nay UBND tỉnh đã triển khai giao chi tiết 5.198.939/5.198.939 triệu đồng, đạt 100% so kế hoạch. Trong đó: vốn ngân sách địa phương đã giao chi tiết 3.978.390 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; vốn ngân sách Trung ương 1.220.549 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch (trong đó: số vốn được giao trước khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2021-2025 là 871.253 triệu đồng; số vốn được giao sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2021-2025 là 349.296 triệu đồng<sup>1</sup>).

b) Kết quả thực hiện, giải ngân:

<sup>1</sup> Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 24/9/2021

Kết quả đến ngày 24/9/2021, giá trị giải ngân là 1.382.813/4.857.643 triệu đồng, đạt 28,47% kế hoạch; dự kiến đến 30/9/2021 giá trị giải ngân là 1.867.466/5.198.939 triệu đồng, đạt 35,92% kế hoạch; ước giải ngân cả năm 2021 (đến ngày 31/01/2022) là 5.030.631/5.198.939 triệu đồng, đạt 96,76% kế hoạch (chi tiết kết quả giải ngân từng nguồn vốn kèm theo phụ lục I), trong đó: chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) kèm theo tại phụ lục II và chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài) kèm theo tại phụ lục III.

## **2. Những vướng mắc, khó khăn trong thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021**

Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 thì ngay những tháng đầu năm giá vật liệu xây dựng tăng mạnh, đặc biệt giá thép tăng từ 30% - 40% làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các hợp đồng theo đơn giá cố định (có hơn 20 nhà thầu kiến nghị), đến nay chưa thể xử lý được do chưa có hướng dẫn.

Đến cuối quý II, quý III và dự kiến những tháng cuối năm Kiên Giang đã và sẽ gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19, khả năng dự toán ngân sách hụt thu khoảng 1.189 tỷ đồng (gồm tiền đất khoảng 600 tỷ, xổ số kiến thiết khoảng 160 tỷ, nguồn cân đối khác khoảng 429 tỷ) - dẫn đến hụt nguồn chi cho đầu tư. Do đó, khả năng trong tổng vốn kế hoạch năm 2021 nguồn ngân sách địa phương 3.978,4 tỷ, chỉ có thể giải ngân tối đa được 3.218,4 tỷ, chiếm 81% kế hoạch (hiện đã giải ngân được 1.103 tỷ).

Bên cạnh đó, tại khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công 2019 quy định về trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án “5. Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”.

Như vậy có thể hiểu đối với dự án tăng quy mô, tăng/giảm kế hoạch vốn giai đoạn, gia hạn thời gian thực hiện dự án, ... nhưng không tăng tổng mức đầu tư thì không cần phải điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư công 2019 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công lại quy định việc quyết định đầu tư dự án không được trái với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Từ đó việc triển khai thực hiện đôi lúc cũng còn lúng túng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến thống nhất đối với dự án tăng quy mô, tăng/giảm kế hoạch vốn giai đoạn, gia hạn thời gian thực hiện nhưng không điều chỉnh chủ trương đầu tư có trái với quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư công 2019 hay không; trường hợp không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư thì thẩm quyền cho phép tăng quy mô, tăng/giảm kế hoạch vốn giai đoạn, gia hạn thời gian thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan nào.

### **3. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện để thúc đẩy giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021**

#### **3.1. Một số giải pháp chủ yếu của tỉnh đã triển khai trong thời gian qua:**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành thành lập các tổ công tác phối hợp với các địa phương chủ động xử lý các kiến nghị thuộc thẩm quyền và đề xuất UBND tỉnh xử lý các kiến nghị; tổ chức hội nghị sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 06, 9 tháng cuối năm 2021; trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chuyển vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn để tăng tỷ lệ giải ngân (tổng vốn điều chỉnh là 433.023 triệu đồng); ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể đến người đứng đầu từng sở, ban ngành và địa phương để đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số dự án, công trình trọng điểm, sử dụng nhiều vốn.

Đồng thời, ngày 09/9/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2178/QĐ-UBND về chỉ đạo thực hiện các giải pháp thực hiện “mục tiêu kép” phục hồi kinh tế; các huyện, thành phố, các Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành đã chủ động nhanh chóng triển khai thực hiện đến các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, nhà thầu thi công qua các hình thức xây dựng kế hoạch (huyện Giồng Riềng), kết hợp văn bản chỉ đạo (các huyện, thành phố, các Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình) và liên hệ trực tiếp qua các cuộc họp trực tuyến, điện thoại, mạng xã hội,...

#### **3.2. Giải pháp của tỉnh trong thời gian tới:**

- Tiếp tục chỉ đạo Giám đốc các sở, ban ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư tập trung quan tâm, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ và báo cáo cụ thể việc thực hiện các dự án trọng điểm, các dự án có kế hoạch vốn lớn.

- Đối với các dự án có điều kiện, tiến độ thực hiện tốt đề nghị các đơn vị mạnh dạn đề xuất bổ sung vốn để triển khai hoàn thành vượt tiến độ.

- Do vẫn tổ chức thi công trong tình hình dịch bệnh Covid 19, do đó tùy theo tính chất dự án, các chủ đầu tư xem xét sự phù hợp để tiếp tục thi công nhưng phải đảm bảo công tác phòng, chống dịch, vừa đảm bảo tiến độ thi công công trình (ví dụ: tách biệt khu vực công trường và khu vực nghỉ ngơi, khi làm việc luôn cố gắng giữ khoảng cách 2 m và không tụ tập đông người khi hết ca làm, chia ca làm việc theo nhiều khung giờ hơn. Đồng thời, các nhà thầu phụ được yêu cầu cung cấp rõ lý lịch, hành trình di chuyển của công nhân trước khi vào làm việc tại công trường, ...).

- Tiếp tục các giải pháp tại Quyết định số 2178/QĐ-UBND của UBND tỉnh về thực hiện "mục tiêu kép" phục hồi kinh tế; tỉnh đang soạn thảo kế hoạch triển khai các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang theo Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 12/8/2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ trực tuyến toàn quốc với các địa phương về tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2021.

#### **4. Kiến nghị của tỉnh**

a) Đối với các danh mục dự án thuộc kế hoạch 2016-2020 tiếp tục bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025, cụ thể trong năm 2021 đã bố trí vốn nhưng không thực hiện được theo tiến độ đề ra và phải thực hiện điều chỉnh giảm vốn để bổ sung cho danh mục dự án có khối lượng hoàn thành nhưng thiếu vốn. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương xem xét cho tiếp tục được bố trí vốn kế hoạch năm 2022 cho các dự án này (bố trí vốn vượt thời gian quy định), nhưng không vượt mức vốn kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được thủ tướng Chính phủ giao cho từng dự án, để dự án hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư.

b) Về giá vật liệu xây dựng tăng cao, địa phương kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, tháo gỡ khó khăn trong điều kiện giá vật liệu xây dựng tăng cao như thời gian vừa qua; nhất là đối với các loại hợp đồng trọn gói (hiện có hơn 20 nhà thầu trên địa bàn tỉnh gửi kiến nghị).

c) Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, địa phương kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Thủ tướng Chính phủ không cắt giảm, điều chuyển vốn các địa phương do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội, không thể giải ngân đảm bảo tỷ lệ 60% đến hết tháng 9/2021 theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ.

d) Về thể chế: UBND tỉnh kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, trình Chính phủ phân cấp cho địa phương thực hiện công tác thẩm định (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi dự án;

hiện nay theo quy định thì dự án nhóm A vốn ngân sách tỉnh quản lý do HĐND tỉnh quyết định chủ trương; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án nhưng thẩm định thì do Bộ chuyên ngành; đồng thời kiến nghị Chính phủ xem xét, điều chỉnh Luật Đầu tư công để quy định thống nhất về các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư, vì: theo quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công thì chỉ các trường hợp tăng tổng mức đầu tư mới điều chỉnh chủ trương; trong khi đó, tại Điều 16 của Luật lại quy định việc “quyết định đầu tư chương trình, dự án ... không đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, vượt tổng vốn đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định” thuộc hành vi bị cấm.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân 8 tháng, dự kiến giải ngân đến ngày 30/9/2021, cả năm 2021 (đến ngày 31/01/2022) và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2021 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./. meo

**Noi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chín**

Phụ lục I  
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021  
ĐẾN NGÀY 31/8/2021, ƯỚC GIẢI NGÂN ĐẾN 30/9/2021 VÀ CẢ NĂM 2021 (ĐẾN NGÀY 31/01/2022) - THEO NGUỒN VỐN

(Kèm theo Báo cáo số 360 /BC-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao đầu năm	Kế hoạch năm 2021 đã giao đến 31/8/2021	Kế hoạch năm 2021 đã giao đến 30/9/2021	Kết quả thực hiện từ đầu tư năm đến ngày 24/9/2021		Ước kết quả thực hiện từ đầu tư năm đến ngày 30/9/2021		Ước kết quả thực hiện từ đầu tư năm ngày 31/01/2022	
					Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn được giao đến thời điểm báo cáo	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn được giao đến thời điểm báo cáo	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn được giao đến thời điểm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8	9=8/5	10	11=10/5
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.198.939</b>	<b>4.857.643</b>	<b>5.198.939</b>	<b>1.382.813</b>	<b>28,47%</b>	<b>1.867.466</b>	<b>35,92%</b>	<b>5.030.631</b>	<b>96,76%</b>
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương, trong đó:</b>	<b>3.978.390</b>	<b>3.966.390</b>	<b>3.978.390</b>	<b>1.150.221</b>	<b>29,00%</b>	<b>1.374.192</b>	<b>34,54%</b>	<b>3.810.082</b>	<b>95,77%</b>
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	1.007.590	1.019.590	175.855	17,45%	227.943	22,36%	960.618	94,22%
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	1.300.000	583.198	44,86%	379.563	29,20%	1.244.864	95,76%
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.610.000	1.610.000	1.610.000	352.102	21,87%	727.356	45,18%	1.557.270	96,72%
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800	48.800	48.800	39.067	80,06%	39.330	80,59%	47.330	96,99%
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách Trung ương, trong đó:</b>	<b>1.220.549</b>	<b>891.253</b>	<b>1.220.549</b>	<b>232.592</b>	<b>26,10%</b>	<b>493.274</b>	<b>40,41%</b>	<b>1.220.549</b>	<b>100,00%</b>
1	Vốn trong nước	1.005.260	675.964	1.005.260	131.764	19,49%	374.445	37,25%	1.005.260	100,00%
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:	1.005.260	675.964	1.005.260	131.764	19,49%	374.445	37,25%	1.005.260	100,00%
	- 'Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	200.000								
2	Vốn nước ngoài	215.289	215.289	215.289	100.828	46,83%	118.829	55,20%	215.289	100,00%

ĐA NĂM

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP TỈNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021  
ĐẾN NGÀY 31/8/2021, UỚC GIẢI NGÂN ĐẾN 30/9/2021 VÀ CẢ NĂM 2021 (ĐẾN NGÀY 31/01/2022) - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)  
(Kết theo Báo cáo số 360 /BC-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch vốn năm 2021 (đã được Thủ tướng giao tại Quyết định 218S/QĐ-TTg)																		Ghi chú			
			TMBT		Kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho dự án trước khi TTg giao KHĐTC trung hạn 2021-2025						Tổng số kế hoạch vốn dự kiến giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, dự kiến giao bổ sung, điều chỉnh (nếu có))						Kết quả thực hiện từ đầu tư năm đến ngày 24/9/2021		Ước giải ngân 9 tháng		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2022					
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thành toán nợ XDCB	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết cho dự án giao sau khi TTg giao KHĐTC trung hạn 2021-2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thành toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thành toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thành toán nợ XDCB	Dự án được phân bổ trước khi TTg giao KHĐTC trung hạn 2021-2025	Dự án được phân bổ sau khi TTg giao KHĐTC trung hạn 2021-2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	<b>TỔNG CỘNG</b>			7.596.794	6.790.768	655.964	655.964	0	0	349.296	1.005.260	1.005.260	0	0	131.764	131.764	374.445	374.445	1.005.260	1.005.260	0	0	655.964	349.296		
I	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	các huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao	2271, 30/10/2017; 1244, 20/5/2021	309.000	265.800	78.730	78.730	0	0	0	78.730	78.730	0	0	8.065	8.065	39.400	39.400	78.730	78.730	0	0	78.730	0		
2	Đường Trung tâm đoạn 3 và các đường nhánh - Khu vực Bãi Trường	Thành phố Phú Quốc	07/QĐ-BQLKKTPO, 29/10/2015; 37/QĐ-BQLKKTPO, 28/3/2016; 37/QĐ-BQLKKTPO, 13/05/2020;	1.312.000	830.000	160.000	160.000	0	0	0	160.000	160.000	0	0	1.988	1.988	140.000	140.000	160.000	160.000	0	0	160.000	0		
3	Dự án cầu thị trấn Thứ II (vượt kênh Tân Bảng - Cán Cáo), huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	huyện An Minh	137/NQ-HĐND, 26/11/2020; 1973, 21/5/2021	200.000	200.000	0	0	0	0	32.000	32.000	32.000	0	0					32.000	32.000	0	0	0	32.000		
4	Dự án cầu Thứ Ba (ngang kênh Xeo Rô)	huyện An Biên	33/NQ-HĐND, 28/7/2020	250.000	250.000	0	0	0	0	30.000	30.000	30.000	0	0					30.000	30.000	0	0	0	30.000		
5	Dự án Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Hòn Đá đi Kênh Lương, tỉnh Kiên Giang.	Các huyện: Hòn Đá, Kiên Lương	495/NQ-HĐND, 11/11/2020 của HĐND tỉnh;	1.479.922	1.300.000	0	0	0	0	200.000	200.000	200.000	0	0					200.000	200.000	0	0	0	200.000		
6	Đường Minh Lương - Giác Tượng	huyện Châu Thành	16/NQ-HĐND, 20/11/2020 của HĐND huyện Châu Thành;	168.798	168.798	0	0	0	0	38.296	38.296	38.296	0	0					38.296	38.296	0	0	0	38.296		
7	Dự án Hồ chứa nước bãi Cây Mão, huyện Kiên Hải	KH	2281/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 317/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020; 233/QĐ-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh;	152.289	108.000	50.000	50.000	0	0	0	50.000	50.000	0	0					10.000	10.000	50.000	50.000	0	0	50.000	0
8	Kê chống sạt lở khu vực Hòn Quao, huyện Hòn Đá	huyện Hòn Đá	759/QĐ-UBND, ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh;	100.000	100.000	20.000	20.000	0	0	0	20.000	20.000	0	0	8.000	8.000	15.850	15.850	20.000	20.000	0	0	20.000	0		
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Cảnh Dầu, huyện Phú Quốc.	PQ	1474/20/7/2015; 3164, 29/12/2020	120.000	120.000	25.000	25.000	0	0	0	25.000	25.000	0	0	1.021	1.021			25.000	25.000	0	0	25.000	0		

// 2/10/2021

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch vốn năm 2021 (đã được Thủ tướng giao tại Quyết định 2185/QĐ-TTg)																		Ghi chú	
			TMDT		Kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho dự án trước khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025				Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết cho dự án giao sau khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch vốn dự kiến giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, dự kiến giao bổ sung, điều chỉnh (nếu có))				Kết quả thực hiện từ đầu tư năm đến ngày 24/9/2021				Ước giải ngân 9 tháng		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2022						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Dự án được phân bổ sau khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025	Dự án được phân bổ sau khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
10	Đầu tư phát triển bền vững VQG Phú Quốc.	PQ	2600/QĐ-UBND, 30/10/2015; 698/QĐ-UBND, 28/3/2016; 1676/QĐ-UBND, 22/7/2016; 2020/QĐ-UBND, 06/9/2016; 2700/QĐ-UBND, 26/11/2018; 2850/QĐ-UBND, 16/12/2019 cũn	89.981	89.981	8.000	8.000	0	0	0	8.000	8.000	0	0				800	800	8.000	8.000	0	0	8.000	0	
11	Khu neo đậu tránh trú bão chài tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thủ Chu	PQ	2590, 30/10/2015; 696, 18/3/2021	154.189	154.189	23.000	23.000	0	0	0	23.000	23.000	0	0	2.314	2.314	5.814	5.814	23.000	23.000	0	0	23.000	0		
12	Đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	các huyện An Biên, An Minh, Chùa Thành và Kiến Lương, tỉnh Kiên Giang	2516, 31/10/2019	1.484.000	1.484.000	150.000	150.000	0	0	0	150.000	150.000	0	0	61.502	61.502	80.000	80.000	150.000	150.000	0	0	150.000	0		
13	Ké chống sạt lở khu vực Mũi Ranh, huyện An Biên	AB	2430/QĐ-UBND, 31/10/2018; 2932/QĐ-UBND ngày 25/12/2019	75.000	75.000	12.500	12.500	0	0	0	12.500	12.500	0	0			6.000	6.000	12.500	12.500	0	0	12.500	0		
14	Ké chống sạt lở khu vực Xeo Nháu, huyện An Minh	huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	1372/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	85.000	85.000	22.500	22.500	0	0	0	22.500	22.500	0	0	14.349	14.349	21.857	21.857	22.500	22.500	0	0	22.500	0		
15	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cải nghiệm ma túy da chích nồng tính Kiên Giang	xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	2492/QĐ-UBND, ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh;	25.000	18.000	8.000	8.000	0	0	0	8.000	8.000	0	0					8.000	8.000	0	0	8.000	0		
16	Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang	RG	2283, 30/10/2017; 944, 09/4/2021	129.615	80.000	23.234	23.234	0	0	0	23.234	23.234	0	0	71	71	10.071	10.071	23.234	23.234	0	0	23.234	0		
17	Trung tâm dịch vụ việc làm	PQ	270, 31/10/2017; 139, 12/6/2019; 33, 27/01/2021	45.000	45.000	25.000	25.000	0	0	0	25.000	25.000	0	0	1.083	1.083	9.653	9.653	25.000	25.000	0	0	25.000	0		
18	Dự án Đường cao tốc phía Bắc đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	40/QĐ-BQLKKTQ, 16/12/2016; 53/QĐ-BQLKKTQ, 14/4/2016; 201/QĐ-BQLKKTQ, 04/9/2020; 65/QĐ-BQLKKTQ, 20/4/2021	200.000	200.000	10.000	10.000	0	0	0	10.000	10.000	0	0	1.000	1.000	2.000	2.000	10.000	10.000	0	0	10.000	0		

3

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch vốn năm 2021 (đã được Thủ tướng giao tại Quyết định 2185/QĐ-TTg)																		Ghi chú
			TMDT		Kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho dự án trước khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025						Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết cho dự án giao sau khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch vốn dự kiến giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, dự kiến giao bổ sung, điều chỉnh (nếu có))		Kết quả thực hiện từ đầu tư năm đến ngày 24/9/2021		Ước giải ngân 9 tháng		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2022							
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Trong đó:			Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Trong đó:	NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB				
											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước				Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Dự án được phân bổ sau khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025	Dự án được phân bổ sau khi TTg giao KHDTC trung hạn 2021-2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
19	Dự án cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên đảo Thủ Chu, Huyện Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	41/QĐ-BQLKKTPQ, 16/12/2015; 105/QĐ-BQLKKTPQ, 05/7/2016; G3/QĐ-BQLKKTPQ, 08/4/2021	730.000	730.000	40.000	40.000	0	0	29.000	69.000	69.000	0	0	32.371	32.371	33.000	33.000	69.000	69.000	0	0	40.000	29.000	
20	Dự án cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các xã đảo Lai Sơn, Nam Du, An Sơn huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải	11/QĐ-UBND, 15/01/2016; 2500/QĐ-UBND, 31/10/2019; 2177/QĐ-UBND, 09/9/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang	487.000	487.000	0	0	0	0	20.000	20.000	20.000	0	0					20.000	20.000	0	0	0	20.000	

**Phụ lục III**  
**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**ĐẾN NGÀY 31/8/2021, ƯỚC GIẢI NGÂN ĐẾN 30/9/2021 VÀ CÁ NĂM 2021 (BÊN NGÀY 31/01/2022) - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)**  
*(Kèm theo Báo cáo số 360 /UBC/UBND ngày 01 tháng 09 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh										Kế hoạch vốn năm 2021 (đã được Thủ tướng giao tại Quyết định 2185/QĐ-TTg)			Kết quả thực hiện từ đầu tư năm đến ngày 24/9/2021			Ước giải ngân 9 tháng			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022			
		Số quyết định	TMĐT									Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			
			Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:			
			Vốn đầu tư		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
			Quy đổi ra tiền Việt		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tỉnh bằng ngoại tệ	Tổng số	Đưa vào cản đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cản đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cản đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cản đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cản đối NSTW	Vay lại	Dự án được phân bổ trước khi TTg KHDTC trung hạn 2021-2025	Dự án được phân bổ sau khi TTg KHDTC trung hạn 2021-2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	24
	<b>TỔNG CỘNG</b>		1.357.554	333.636	109.395	0	1.023.858	836.264	196.604	289.789	215.289	74.500	143.567	100.828	42.739	163.542	118.829	44.713	289.789	215.289	74.500	0	0	
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng M8 Công mỏ rộng (GMS)	QĐ số 165/QĐ-BVHTTDL ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; QĐ số 1916/QĐ-UBND ngày 28/8/2018; QĐ số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	261.080	94.786	0	7191	166.294	166.294	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bùn vũng (Vnust)	273/QĐ-UBND, 10/1/2015; 110/QĐ-UBND, 15/5/2019;	313.499	111.220	0		202.229	202.229	0	70.000	70.000	0	0	0	0	13.500	13.500	0	70.000	70.000	0	0	0	
3	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bùn vũng Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	1825/Ttg-QHQT ngày 14/10/2015; 1693/QĐ-BNN-HQQT ngày 09/05/2016	729.247	117.238	109.395		612.009	428.406	183.603	204.330	140.000	64.330	143.567	100.828	42.739	150.042	105.329	44.713	204.330	140.000	64.330	0	0	
4	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016; 930/QĐ-TTg 30/5/2016; Số 2108/QĐ-UBND, 20/9/2016	53.728	10.392	0		43.336	39.335	13.001	15.459	5.289	10.170	0	0	0	0	0	0	15.459	5.289	10.170	0	0	

N 31/8/2021